

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

VĂN BẢN ĐẾN

Ngày: 18-08-2015

Số:.....15987

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**

Cho Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015  
(đã được soát xét)

# CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

Số 16 Thái Phiên, Phường Phước Ninh,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

---

## NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05-39
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-39

M.S.D.N - 0106

## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

Số 16 Thái Phiên, Phường Phước Ninh,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

---

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung được thành lập từ việc cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Kim khí Miền Trung) theo Quyết định số 3088/QĐ-BCN ngày 30/09/2005 và Quyết định số 4150/QĐ-BCN ngày 20/12/2005 sửa đổi bổ sung Quyết định số 3088/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0400101605 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 27 tháng 04 năm 2015.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Số 16 Thái Phiên, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Thân Thanh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/01/2015
Ông Võ Văn Cá	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01/01/2015
Ông Nguyễn Văn Cảnh	Ủy viên	
Ông Ngô Văn Phong	Ủy viên	
Ông Võ Hựu	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Anh Hoàng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2015
Ông Thân Thanh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2015
Ông Ngô Văn Phong	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Võ Hựu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Minh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/02/2015

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Mãi	Trưởng ban
Ông Lưu Thương	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Chinh	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

Số 16 Thái Phiên, Phường Phước Ninh,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Hoàng  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 08 năm 2015

105 - C  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM H  
NG KIẾ  
AA  
HOÀN

Số: 1273/2015/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

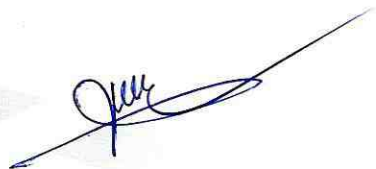
Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - “Công tác soát xét báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Nguyễn Quốc Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0285-2013-002-1



**Bùi Thanh Cương**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2066-2013-002-1

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**

Số 16 Thái Phiên, Phường Phước Ninh,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

**Báo cáo tài chính**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>459.341.516.081</b>	<b>264.773.960.134</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>6.526.579.187</b>	<b>15.384.210.751</b>
111	1. Tiền		6.526.579.187	15.384.210.751
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>1.756.299.900</b>	<b>1.814.200.000</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		2.323.676.045	2.323.676.045
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(567.376.145)	(509.476.045)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>300.308.299.390</b>	<b>143.796.793.410</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	261.162.388.040	143.285.169.935
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		34.599.813.809	5.792.316.802
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	12.515.076.778	2.022.369.785
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.968.979.237)	(7.303.063.112)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>137.545.592.230</b>	<b>93.539.817.573</b>
141	1. Hàng tồn kho		137.812.458.993	93.806.684.336
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(266.866.763)	(266.866.763)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>13.204.745.374</b>	<b>10.238.938.400</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	616.220.366	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		12.588.525.008	10.198.322.669
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	40.615.731
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>71.437.562.990</b>	<b>70.084.008.539</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>46.323.261.765</b>	<b>46.462.878.780</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	7.279.228.928	7.418.845.943
222	- Nguyên giá		15.376.047.342	15.013.628.187
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.096.818.414)	(7.594.782.244)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	39.044.032.837	39.044.032.837
228	- Nguyên giá		39.044.032.837	39.044.032.837
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>9</b>	<b>4.271.162.786</b>	<b>3.105.716.203</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.271.162.786	3.105.716.203
<b>250</b>	<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>20.636.346.945</b>	<b>20.187.197.666</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		24.000.000.000	24.000.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.030.000.000	3.030.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(6.393.653.055)	(6.842.802.334)
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>206.791.494</b>	<b>328.215.890</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	206.791.494	328.215.890
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>530.779.079.071</b>	<b>334.857.968.673</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**Số 16 Thái Phiên, Phường Phước Ninh,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

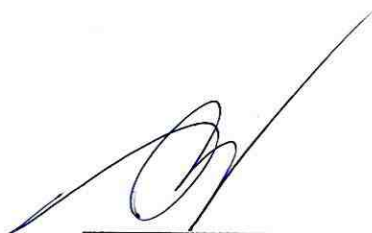
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>415.072.480.388</b>	<b>218.595.372.487</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>415.072.480.388</b>	<b>218.595.372.487</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	249.202.461.258	97.796.265.100
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.261.681.334	630.590.294
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	474.756.205	203.057.118
314	4. Phải trả người lao động		992.201.670	1.957.036.723
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.967.078.942	1.334.353.242
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	8.306.095.168	5.282.798.513
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	152.841.314.411	110.953.002.391
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		26.891.400	438.269.106
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>115.706.598.683</b>	<b>116.262.596.186</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>115.706.598.683</b>	<b>116.262.596.186</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		98.465.620.000	98.465.620.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		300.347.000	300.347.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		13.863.385.286	13.863.385.286
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.491.018.689	1.491.018.689
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		1.586.227.708	2.142.225.211
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>530.779.079.071</b>	<b>334.857.968.673</b>

0100111  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
HÀNG QUANG  
A



Bùi Minh Nam

Người lập




Trần Nguyễn Hoàng Nam

Thành Tuấn

Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Hoàng

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 08 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2015	đầu năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	825.486.964.554	448.422.957.968
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	433.068.305	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		825.053.896.249	448.422.957.968
11	4. Giá vốn hàng bán	22	795.539.509.479	426.071.096.552
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		29.514.386.770	22.351.861.416
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	2.196.823.886	2.046.221.223
22	7. Chi phí tài chính	24	3.211.700.407	1.947.060.673
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.602.858.653	2.281.437.958
24	8. Chi phí bán hàng	25	24.068.021.824	20.075.234.313
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	2.452.989.226	1.715.114.992
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.978.499.199	660.672.661
31	11. Thu nhập khác		454.545	2.181.347.403
32	12. Chi phí khác		-	1.267.696.770
40	13. Lợi nhuận khác		454.545	913.650.633
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.978.953.744	1.574.323.294
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	392.726.036	314.147.278
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.586.227.708</u>	<u>1.260.176.016</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	161	128

Bùi Minh Nam

Người lập

Trần Nguyễn Hoàng Nam  
Thành Tuấn

Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Hoàng

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 08 năm 2015



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**Số 16 Thái Phiên, Phường Phước Ninh,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2015	đầu năm 2014
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.978.953.744	1.574.323.294
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		502.036.170	512.262.945
03	- Các khoản dự phòng		274.666.946	(1.515.500.578)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(5.835.399)	(2.331.124)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(227.919.325)	(1.097.948.031)
06	- Chi phí lãi vay		3.602.858.653	2.281.437.958
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		6.124.760.789	1.752.244.464
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(154.086.089.852)	(1.110.428.384)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(44.005.774.657)	(9.817.505.199)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		153.252.047.040	14.304.149.494
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(494.795.970)	88.618.719
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.692.889.215)	(2.347.878.310)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(115.210.273)	(152.338.711)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	370.612.962
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(650.101.000)	(309.912.962)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(43.668.053.138)	2.777.562.073
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(7.009.400.330)	(1.588.811.723)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	2.175.236.364
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		227.919.325	190.408.437
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(6.781.481.005)	776.833.078



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**Số 16 Thái Phiên, Phường Phước Ninh,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

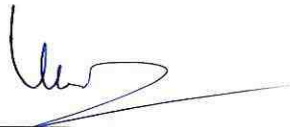
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2015	đầu năm 2014
			VND	VND
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	3. Tiền thu từ đi vay		568.204.763.031	314.299.695.888
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(526.316.451.011)	(313.628.780.791)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(302.244.840)	(1.575.449.920)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>41.586.067.180</i>	<i>(904.534.823)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(8.863.466.963)	2.649.860.328
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		15.384.210.751	9.011.524.534
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		5.835.399	2.331.124
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>6.526.579.187</u>	<u>11.663.715.986</u>



**Trần Nguyễn Hoàng Nam Thành Tuấn**  
Kế toán trưởng

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 08 năm 2015



**Nguyễn Anh Hoàng**  
Tổng Giám đốc



**CTY CP KIM KHÍ MIỀN TRUNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 726 /KKMT  
Vv: Công bố Báo cáo tài chính 6 tháng 2015  
đã soát xét

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 08 năm 2015

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Công ty cổ phần Kim khí Miền trung  
KMT
- Tên công ty :
  - Mã chứng khoán : KMT
  - Địa chỉ trụ sở chính : 16 Thái phiên , quận Hải Châu, T/P Đà Nẵng
  - Điện thoại: 05113 821 824 Fax : 05113 823 306
  - Người thực hiện công bố thông tin : Trần Nguyễn Hoàng Nam Thành Tuấn
  - Nội dung thông tin công bố :
    - Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2015 được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
    - Nội dung giải trình (chênh lệch 10% LNST so với cùng kỳ năm ngoái):  
Kết quả lợi nhuận sau thuế 6 tháng 2015 đạt: 1,586 tỷ đồng tăng 25,8% so với 6 tháng năm 2014.  
Nguyên nhân: Doanh thu và lợi nhuận gộp 6 tháng năm 2015 tăng đáng kể so với cùng kỳ năm 2014 dẫn đến lợi nhuận sau thuế tăng như trên.
  - Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính 6 tháng năm 2015 đã soát xét:  
[http:// www.cevimetal.com.vn](http://www.cevimetal.com.vn)
- Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố .

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VT,KTTC-KKMT



Trần Nguyễn Hoàng Nam Thành Tuấn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung được thành lập từ việc cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Kim khí Miền Trung) theo Quyết định số 3088/QĐ-BCN ngày 30/09/2005 và Quyết định số 4150/QĐ-BCN ngày 20/12/2005 sửa đổi bổ sung Quyết định số 3088/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0400101605 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 27 tháng 04 năm 2015.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Số 16 Thái Phiên, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 98.465.620.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 98.465.620.000 đồng; tương đương 9.846.562 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu kim khí, vật tư thứ liệu, phế liệu kim loại, vật tư tổng hợp, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất thép xây dựng các loại;
- Gia công, sản xuất các sản phẩm kim loại và phế liệu kim loại;
- Đầu tư kinh doanh khách sạn, văn phòng cho thuê và chung cư cao tầng;
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi;
- Đại lý tiêu thụ sản phẩm cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Quảng Ngãi	195 Lê Lợi, phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi	Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép
Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	Số 4/5 Út Tịch, P4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép
Chi nhánh Quảng Nam	Số 06 Hùng Vương, Tp. Tam Kỳ, Quảng Nam	Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép
Chi nhánh Đắk Lắk	Số 97C, Nguyễn Văn Linh, Tp. Buôn Ma Thuột	Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép
Chi nhánh Miền Trung	303 Lê Hồng Phong, Phường Phước Hải, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

Số 16 Thái Phiên, Phường Phước Ninh,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Chi nhánh Gia Lai	Tổ 3, phường Thống Nhất, Tp.Pleiku, Gia Lai	Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép
Chi nhánh Lâm Đồng	Tổ 16, Đường Huyền Trân Công Chúa, Thị trấn Liên Nghĩa, Huyện	Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 01	Lô A3-7 KDC Đô thị mới Nam cầu Cẩm Lệ, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, Đà Nẵng	Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 02	Số 410 đường 2/9, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, Đà Nẵng	Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 03	712 đường Ngô Quyền, Q. Sơn Trà, Đà Nẵng	Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 05	Số 330 Nguyễn Hữu Thọ, Q. Cẩm Lệ, Đà Nẵng	Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 06	Số 410 đường 2/9, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, Đà Nẵng	Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 07	Lô 04-05-B27, Đường Kinh Dương Vương, Hoà Minh, Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng	Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 09	Số 404 Lê Văn Hiến, Q. Ngũ Hành Sơn, TP.Đà Nẵng	Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 10	904 đường Ngô Quyền, Q. Sơn Trà, Đà Nẵng	Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép
Xí nghiệp Kinh doanh vật tư.	Lô A3-7 KDC Đô thị mới Nam cầu Cẩm Lệ, Huyện Hòa Vang, TP.Đà Nẵng	Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép

Thông tin về các công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.



**2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 34.

**2.4 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

**2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.12 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.13 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.





**2.14 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.15 . Doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.



*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.16 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**2.17 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng, bao gồm cả các trường hợp trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

**2.18 . Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.19 . Thuế TNDN**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

Số 16 Thái Phiên, Phường Phước Ninh,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

## 2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	248.915.030	219.938.809
Tiền gửi ngân hàng	6.277.664.157	15.164.271.942
	<u><u>6.526.579.187</u></u>	<u><u>15.384.210.751</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**Số 16 Thái Phiên, Phường Phước Ninh,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Chứng khoán kinh doanh**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Tổng giá trị cổ phiếu <i>Cổ phiếu HMC</i>	2.323.676.045	1.756.299.900	(567.376.145)	1.814.200.000
	2.323.676.045	1.756.299.900	(567.376.145)	1.814.200.000
	<b>2.323.676.045</b>	<b>1.756.299.900</b>	<b>(567.376.145)</b>	<b>1.814.200.000</b>

Số lượng cổ phiếu HMC - Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh là 193.000 cổ phiếu.

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	24.000.000.000	18.956.346.945	(5.043.653.055)	19.257.197.666
- Công ty CP Thép Việt Mỹ	24.000.000.000	18.956.346.945	(5.043.653.055)	19.257.197.666
Đầu tư vào đơn vị khác	3.030.000.000	1.680.000.000	(1.350.000.000)	930.000.000
- Công ty CP Gang thép Thái Nguyên	3.030.000.000	1.680.000.000	(1.350.000.000)	930.000.000
	<b>27.030.000.000</b>	<b>20.636.346.945</b>	<b>(6.393.653.055)</b>	<b>20.187.197.666</b>
				<b>(6.842.802.334)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**Số 16 Thái Phiên, Phường Phước Ninh,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)****Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2015 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Thép Việt Mỹ	Hòa Khánh, Liên Chiểu, Đà Nẵng	20,36%	20,36%	Sản xuất, kinh doanh thép

**Đầu tư vào đơn vị khác**

<u>Tên công ty nhận đầu tư</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Số cổ phiếu nắm giữ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Gang thép Thái Nguyên	Phường Cam Giá, TP. Thái Nguyên	300.000	Sản xuất, kinh doanh thép

**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	261.162.388.040	143.285.169.935
- Công ty Cổ Phần Thép Miền Bắc	-	34.209.385.807
- Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý	84.924.558.373	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	176.237.829.667	109.075.784.128
	<b><u>261.162.388.040</u></b>	<b><u>143.285.169.935</u></b>

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan			
- Công ty Cổ Phần Thép Nhà Bè	Cùng công ty mẹ	-	73.744.245
- Cty TNHH MTV Thép Miền Nam	Cùng công ty mẹ	-	1.293.519.495
- Công ty Cổ Phần Thép Tây Đô	Công ty liên kết của Công ty mẹ	19.291.949.600	-
		<b><u>19.291.949.600</u></b>	<b><u>1.367.263.740</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

**Báo cáo tài chính**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
- Phải thu về kinh phí công đoàn	12.515.076.778	-	2.022.369.785	-
- Tạm ứng	-	-	8.230.131	-
- Ký cược, ký quỹ (1)	550.902.127	-	293.024.482	-
- Đền bù giải phóng mặt bằng dự án kho Hoà Phước (2)	10.651.604.051	-	-	-
- Chiết khấu mua hàng của TCT Thép Việt Nam - CTCP	942.297.300	-	942.297.300	-
- Phải thu khác	-	-	610.093.950	-
	370.273.300	-	168.723.922	-
	<b>12.515.076.778</b>	-	<b>2.022.369.785</b>	-

- (1) Khoản ký quỹ bảo đảm phê liệu nhập khẩu theo Nghị định ND/38-2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 về quản lý chất thải và phế liệu. Khoản ký quỹ được mở tại ngân hàng Ngoại thương Việt Nam sẽ sử dụng để thanh toán cho nhà cung cấp khi các thủ tục thông quan hoàn thành.
- (2) Tiền tạm ứng cho Ban giải tòa đền bù các Dự án Dầu tur và Xây dựng số 2 Đà Nẵng để thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng và triển khai Dự án Kho Hoà Phước, khoản tiền này sẽ được bù trừ vào tiền thuế đất hàng năm của Công ty khi mặt bằng được bàn giao cho Công ty sử dụng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**Số 16 Thái Phiên, Phường Phước Ninh,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**7 . NỢ XẤU**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay khó có khả năng thu hồi	11.914.110.498	3.536.577.488	14.509.069.297	4.276.767.668
<i>Công ty CP Thương mại Kim Khí Thành Hiếu</i>	2.947.146.175	-	2.947.146.175	-
<i>Công ty CP Đầu tư Xây dựng Công Trình 134</i>	-	-	1.690.788.421	1.183.551.895
<i>Công ty CP ĐT &amp; XDGT Phương Thành</i>	1.163.981.060	814.786.742	-	-
<i>Các khoản khác</i>	7.802.983.263	2.721.790.746	9.871.134.701	3.093.215.773
	<b>11.914.110.498</b>	<b>3.536.577.488</b>	<b>14.509.069.297</b>	<b>4.276.767.668</b>

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi đường	74.517.045.753	-	41.398.549.280	-
Hàng hoá	63.295.413.240	(266.866.763)	52.408.135.056	(266.866.763)
	<b>137.812.458.993</b>	<b>(266.866.763)</b>	<b>93.806.684.336</b>	<b>(266.866.763)</b>

**9 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản dở dang	<b>4.271.162.786</b>	<b>3.105.716.203</b>
Dự án xây dựng kho Hòa Phước (1)	110.743.375	110.743.375
Dự án xây dựng văn phòng 69A - Quang Trung (2)	4.160.419.411	2.994.972.828
	<b>4.271.162.786</b>	<b>3.105.716.203</b>

(1) Dự án xây dựng kho Hòa Phước chưa được bàn giao mặt bằng nên trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty không có phát sinh các khoản chi phí đầu tư liên quan đến dự án xây dựng kho Hoà Phước.

(2) Dự án xây dựng mới nhà văn phòng tại 69A Quang Trung với tổng mức đầu tư là 22 tỷ đồng được khởi công từ tháng 3 năm 2014 và dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2015.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**Số 16 Thái Phiên, Phường Phước Ninh,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	<b>Cộng</b> VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	10.209.659.933	4.283.558.713	520.409.541	15.013.628.187
- Mua trong kỳ	-	274.053.926	88.365.229	362.419.155
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>10.209.659.933</b>	<b>4.557.612.639</b>	<b>608.774.770</b>	<b>15.376.047.342</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	4.204.326.387	2.880.019.072	510.436.785	7.594.782.244
- Khấu hao trong kỳ	336.103.044	152.898.600	13.034.526	502.036.170
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.540.429.431</b>	<b>3.032.917.672</b>	<b>523.471.311</b>	<b>8.096.818.414</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu kỳ	6.005.333.546	1.403.539.641	9.972.756	7.418.845.943
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>5.669.230.502</b>	<b>1.524.694.967</b>	<b>85.303.459</b>	<b>7.279.228.928</b>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 3.792.572.366 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.696.132.650 đồng.

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao</b>		
- Nhà kho Hòa Phước, Đà Nẵng - Kho Công ty	6.096.262.057	6.096.262.057
- Nguyễn Văn Lương, TP. HCM - Kho Công ty	1.419.716.000	1.419.716.000
- Số 4/5 Ứt Tịch, TP. HCM - Trụ sở Chi nhánh HCM	424.550.000	424.550.000
- 16 Thái Phiên, TP Đà Nẵng - Văn phòng Công ty	10.331.592.180	10.331.592.180
- Lô A64,A65 Hùng Vương, Tam Kỳ, QN - Kho Công ty	1.149.520.000	1.149.520.000
- Lô A3-7 KDC nam cầu Cẩm Lệ, Đà Nẵng - Trụ sở Xí nghiệp 01 và Xí nghiệp Kinh doanh Vật tư	10.099.555.000	10.099.555.000
- Lô 1001 Lê Văn Hiến, Đà Nẵng - Trụ sở Xí nghiệp 09	4.141.404.000	4.141.404.000
- Thửa 125, Buôn Mê Thuật, Đăk Lăk - Chi nhánh Đăk Lăk	420.000.000	420.000.000
- Số 69 Quang Trung, Đà Nẵng - Xây dựng Văn phòng	4.961.433.600	4.961.433.600
	<b>39.044.032.837</b>	<b>39.044.032.837</b>

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>616.220.366</b>	-
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	192.750.000	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	6.525.003	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	416.945.363	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>206.791.494</b>	<b>328.215.890</b>
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	147.750.269	313.997.218
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	-	14.218.672
Chi phí trả trước dài hạn khác	59.041.225	-
	<b>823.011.860</b>	<b>328.215.890</b>

011110  
CÔNG  
CHÍNH  
SÁCH  
KIỂM  
AA  
KIỂM



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**Số 16 Thái Phiên, Phường Phước Ninh,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**13 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2015		Trong kỳ		30/06/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	110.953.002.391	110.953.002.391	568.204.763.031	526.316.451.011	152.841.314.411	152.841.314.411
<b>Chi tiết vay ngắn hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Đà Nẵng (1)	37.302.417.905	37.302.417.905	139.250.162.489	122.307.993.736	54.244.586.658	54.244.586.658
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Đà Nẵng (2)	27.758.423.405	27.758.423.405	298.203.820.718	257.433.542.595	68.528.701.528	68.528.701.528
- Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển VN - CN Đà Nẵng (3)	39.547.039.741	39.547.039.741	89.758.674.384	106.237.687.900	23.068.026.225	23.068.026.225
- Ngân hàng TMCP Quân Đội (4)	6.345.121.340	6.345.121.340	40.992.105.440	40.337.226.780	7.000.000.000	7.000.000.000
	<b>110.953.002.391</b>	<b>110.953.002.391</b>	<b>568.204.763.031</b>	<b>526.316.451.011</b>	<b>152.841.314.411</b>	<b>152.841.314.411</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015-HĐTDHM/NHCT480-CEVIMETAL ngày 06/04/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 150 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 20/03/2016;
  - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ, tại thời điểm 30/06/2015 là 5,5%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 54.244.586.658 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp tài sản: Hợp đồng số 08082012/HĐTC ngày 20/09/2012; Hợp đồng số số 07082012/HĐTC ngày 07/08/2012; Hợp đồng số 48070001/HĐTC ngày 14/12/2013.
- (2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 331/2014/VCB-KHDN ngày 09/09/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 130 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: tối đa 4 tháng kể từ ngày rút vốn;
  - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 68.528.701.528 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp: Hợp đồng số 60/NHNT-ĐN ngày 12/06/2008; Hợp đồng số 63/2010/VCB-ĐN ngày 14/09/2010; Hợp đồng số 132/2013/VCB-ĐN ngày 25/09/2013; Hợp đồng số 169/2013/VCB-ĐN ngày 12/11/2013.
- (3) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/256999/HĐTD ngày 01/07/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 200 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C;
  - + Thời hạn của hợp đồng: từ 01/07/2014 đến hết 30/06/2015;
  - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ, tại thời điểm 30/06/2015 là 6%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 23.068.026.225 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp số 01/2008/HĐTC ngày 12/06/2008.
- (4) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 648.14.3072207406 TD ngày 24/11/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 30 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 30/09/2015;
  - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ, tại thời điểm 30/06/2015 là 5,5%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 7.000.000.000 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ hàng hóa hình thành từ vốn vay và khoản phải thu từ phương án MB tài trợ, được thế chấp duy nhất tại MB; tỷ lệ nghĩa vụ tài chính/giá trị tài sản đảm bảo là 50%.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**Số 16 Thái Phiên, Phường Phước Ninh,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà NẵngBáo cáo tài chính  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	16.093.752.989	16.093.752.989	81.503.251.156	81.503.251.156
- JFE SHOJI TRADE CORP	28.464.597.577	28.464.597.577	-	-
- Koden International Co.,LTD	82.191.872.175	82.191.872.175	-	-
- TOYOTSU MATERIAL INCORPORATED	26.837.292.720	26.837.292.720	-	-
- TREASURE POWER TRANDING LIMITED	72.345.422.667	72.345.422.667	-	-
- Phải trả người bán khác	23.269.523.130	23.269.523.130	16.293.013.944	16.293.013.944
	<b>249.202.461.258</b>	<b>249.202.461.258</b>	<b>97.796.265.100</b>	<b>97.796.265.100</b>

Mối quan hệ	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	16.093.752.989	16.093.752.989	81.503.251.156	81.503.251.156
- Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa	77.509.630	77.509.630	44.330.000	44.330.000
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	60.025.680	60.025.680	109.956	109.956
- Công ty Cổ phần Thép Việt Mỹ	-	-	2.083.063.929	2.083.063.929
- Tổng Công ty Thép Việt Nam	594.134.109	594.134.109	-	-
- Công ty Cổ Phần Thép Thủ Đức	173.705.400	173.705.400	-	-
- Công ty Cổ phần Kim khí TP. HCM	3.158.337.325	3.158.337.325	-	-
	<b>20.157.465.133</b>	<b>20.157.465.133</b>	<b>83.630.755.041</b>	<b>83.630.755.041</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**Số 16 Thái Phiên, Phường Phước Ninh,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		203.057.118		28.225.946.202		28.337.166.387		-			91.836.933
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-		-		2.257.597.169		2.257.597.169		-			-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	40.615.731		-		604.998.998		196.362.478		-			368.020.789
Thuế Thu nhập cá nhân	-		-		32.138.416		17.239.933		-			14.898.483
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		72.769.701		72.769.701		-			-
Các loại thuế khác	-		-		16.000.000		16.000.000		-			-
	<b>40.615.731</b>		<b>203.057.118</b>		<b>31.209.450.486</b>		<b>30.897.135.668</b>		<b>-</b>			<b>474.756.205</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**Số 16 Thái Phiên, Phường Phước Ninh,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	1.967.078.942	1.334.353.242
- Chi phí lãi vay	240.691.600	330.722.162
- Chi phí phải trả khác	1.726.387.342	1.003.631.080
	<u><b>1.967.078.942</b></u>	<u><b>1.334.353.242</b></u>

**17 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	8.306.095.168	5.282.798.513
- Kinh phí công đoàn	39.119.420	-
- Bảo hiểm xã hội	10.118.231	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	230.000.000	130.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.470.136.320	-
- Lãi phạt chậm trả	423.743.666	340.730.377
- Nhận trước tiền nhà của Tô Hán Lân (*)	4.610.000.000	4.610.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.522.977.531	202.068.136
	<u><b>8.306.095.168</b></u>	<u><b>5.282.798.513</b></u>

(\*) Khoản trả tiền trước của ông Tô Hán Lân mua căn nhà số 07 Chợ Lớn, Phường 11, Quận 6, TP.HCM. Các thủ tục chuyển quyền sử dụng đất chưa được thực hiện xong cũng như chưa được Sở tài chính phê duyệt giá trị quyền sử dụng đất sau cổ phần hóa đối với lô đất này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**

Số 16 Thái Phiên, Phường Phước Ninh,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

**Báo cáo tài chính**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Số dư đầu kỳ 6 tháng đầu năm 2014</b>	98.465.620.000	300.347.000	13.863.385.286	1.491.018.689	1.982.171.693	116.102.542.668					
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	1.260.176.016					1.260.176.016
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(406.721.773)					(406.721.773)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(1.575.449.920)					(1.575.449.920)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>98.465.620.000</b>	<b>300.347.000</b>	<b>13.863.385.286</b>	<b>1.491.018.689</b>	<b>1.260.176.016</b>	<b>115.380.546.991</b>					
<b>Số dư đầu kỳ 6 tháng đầu năm 2015</b>	98.465.620.000	300.347.000	13.863.385.286	1.491.018.689	2.142.225.211	116.262.596.186					
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	1.586.227.708					1.586.227.708
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(2.011.104.454)					(2.011.104.454)
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	(131.120.757)					(131.120.757)
<b>Số dư cuối kỳ nay</b>	<b>98.465.620.000</b>	<b>300.347.000</b>	<b>13.863.385.286</b>	<b>1.491.018.689</b>	<b>1.586.227.708</b>	<b>115.706.598.683</b>					

(\*) Khoản truy thu thuế TNDN 2013 đã được Hội đồng Quản trị thống nhất ghi giảm lợi nhuận chưa phân phối.

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 315/NQ-DHĐCĐ ngày 14/04/2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	2.142.225.211
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	11,14%	238.723.294
Chi trả cổ tức (bằng 1,8% vốn điều lệ)	82,74%	1.772.381.160
Khoản truy thu thuế TNDN	6,12%	131.120.757

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**Số 16 Thái Phiên, Phường Phước Ninh,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	30/06/2015 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2015 VND
Vốn góp Tổng Công ty Thép Việt Nam	82,95%	81.674.240.000	82,95%	81.674.240.000
Vốn góp các cổ đông khác	17,05%	16.791.380.000	17,05%	16.791.380.000
	<b>100%</b>	<b>98.465.620.000</b>	<b>100%</b>	<b>98.465.620.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	98.465.620.000	98.465.620.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	98.465.620.000	98.465.620.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	98.465.620.000	98.465.620.000

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.846.562	9.846.562
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.846.562	9.846.562
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.846.562	9.846.562
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.846.562	9.846.562
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.846.562	9.846.562
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	13.863.385.286	13.863.385.286
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.491.018.689	1.491.018.689
	<b>15.354.403.975</b>	<b>15.354.403.975</b>

**19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Ngoại tệ các loại**

	30/06/2015	01/01/2015
- Đồng đô la Mỹ (USD)	19.516,55	10.577,06

**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng	825.156.964.554	447.470.654.108
- <i>Khu vực Đà Nẵng</i>	534.117.256.105	284.046.441.445
- <i>Khu vực Miền Trung và Tây Nguyên</i>	232.196.041.816	144.958.179.591
- <i>Khu vực Miền Nam</i>	58.843.666.633	18.466.033.072
Doanh thu cung cấp dịch vụ	330.000.000	952.303.860
	<b>825.486.964.554</b>	<b>448.422.957.968</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**Số 16 Thái Phiên, Phường Phước Ninh,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
<b>20 . DOANH THU ĐỐI VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN</b>			
Doanh thu đối với các bên liên quan			
- Công ty Cổ phần Thép Việt Mỹ	Công ty liên kết	33.170.101.600	21.696.153.600
- Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	Công ty liên kết	-	32.944.606.565
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	Cùng Công ty mẹ	20.429.104.545	-
- Công ty CP Thép Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ	50.547.127.500	-
<b>21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>			
		6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Chiết khấu thương mại		211.919.750	-
Hàng bán bị trả lại		88.356.000	-
Giảm giá hàng bán		132.792.555	-
		<b>433.068.305</b>	<b>-</b>
<b>22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>			
		6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán		795.539.509.479	426.071.096.552
- Khu vực Đà Nẵng		516.681.287.141	271.254.373.037
- Khu vực Miền Trung và Tây Nguyên		220.840.248.593	137.471.554.841
- Khu vực Miền Nam		58.017.973.745	17.345.168.674
		<b>795.539.509.479</b>	<b>426.071.096.552</b>
<b>23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
		6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay		34.919.325	26.358.437
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		1.963.069.162	1.853.481.662
Cổ tức, lợi nhuận được chia		193.000.000	164.050.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ		5.835.399	2.331.124
		<b>2.196.823.886</b>	<b>2.046.221.223</b>
<b>24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>			
		6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Lãi tiền vay		3.602.858.653	2.281.437.958
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ		90.933	22.715
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư		(391.249.179)	(334.400.000)
		<b>3.211.700.407</b>	<b>1.947.060.673</b>

M.S.D.N



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**Số 16 Thái Phiên, Phường Phước Ninh,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.607.369	5.231.322
Chi phí nhân công	6.822.062.774	8.169.709.374
Chi phí khấu hao tài sản cố định	85.333.956	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.891.930.173	11.017.724.659
Chi phí khác bằng tiền	1.265.087.552	882.568.958
	<b>24.068.021.824</b>	<b>20.075.234.313</b>

**26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.802.973	59.354.515
Chi phí nhân công	644.960.000	1.107.227.125
Chi phí khấu hao tài sản cố định	416.702.214	402.437.059
Thuế, phí, lệ phí	12.195.637	-
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	665.916.125	(806.222.957)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	594.213.330	651.482.897
Chi phí khác bằng tiền	95.198.947	300.836.353
	<b>2.452.989.226</b>	<b>1.715.114.992</b>

**27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.978.953.744	1.574.323.294
Các khoản điều chỉnh tăng	5.000.000	20.000.000
- Chi phí không hợp lệ	5.000.000	20.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(198.835.399)	(166.381.124)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(193.000.000)	(164.050.000)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(5.835.399)	(2.331.124)
Thu nhập tính thuế TNDN	1.785.118.345	1.427.942.170
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)</b>	<b>392.726.036</b>	<b>314.147.278</b>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp kỳ này	131.120.757	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(40.615.731)	(377.424.566)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(115.210.273)	(152.338.711)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>368.020.789</b>	<b>(215.615.999)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**Số 16 Thái Phiên, Phường Phước Ninh,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	1.586.227.708	1.260.176.016
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.586.227.708	1.260.176.016
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.846.562	9.846.562
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>161</b>	<b>128</b>

**29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.410.342	694.392.786
Chi phí nhân công	7.467.022.774	5.958.442.122
Chi phí khấu hao tài sản cố định	502.036.170	512.262.945
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.152.059.628	13.517.045.682
Chi phí khác bằng tiền	1.372.482.136	1.108.205.770
	<b>26.521.011.050</b>	<b>21.790.349.305</b>

**30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.526.579.187	-	15.384.210.751	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	273.677.464.818	(7.968.979.237)	145.307.539.720	(7.303.063.112)
Đầu tư ngắn hạn	2.323.676.045	(567.376.145)	2.323.676.045	(509.476.045)
Đầu tư dài hạn	3.030.000.000	(1.350.000.000)	3.030.000.000	(2.100.000.000)
	<b>285.557.720.050</b>	<b>(9.886.355.382)</b>	<b>166.045.426.516</b>	<b>(9.912.539.157)</b>

**Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Vay và nợ	152.841.314.411	110.953.002.391
Phải trả người bán, phải trả khác	257.508.556.426	103.079.063.613
Chi phí phải trả	1.967.078.942	1.334.353.242
	<b>412.316.949.779</b>	<b>215.366.419.246</b>

1105  
 NG T  
 HIỆM H  
 KIỂM  
 AAS  
 KIỂM

# CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

Số 16 Thái Phiên, Phường Phước Ninh,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

## Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.526.579.187	-	-	6.526.579.187
Phải thu khách hàng, phải thu khác	265.708.485.581	-	-	265.708.485.581
Đầu tư ngắn hạn	1.756.299.900	-	-	1.756.299.900
Đầu tư dài hạn	-	1.680.000.000	-	1.680.000.000
	<u>273.991.364.668</u>	<u>1.680.000.000</u>	<u>-</u>	<u>275.671.364.668</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**Số 16 Thái Phiên, Phường Phước Ninh,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**Tại ngày 01/01/2015**

Tiền và các khoản tương đương tiền	15.384.210.751	-	-	15.384.210.751
Phải thu khách hàng, phải thu khác	138.004.476.608	-	-	138.004.476.608
Đầu tư ngắn hạn	1.814.200.000	-	-	1.814.200.000
Đầu tư dài hạn	-	930.000.000	-	930.000.000
	<b>155.202.887.359</b>	<b>930.000.000</b>	<b>-</b>	<b>156.132.887.359</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2015</b>				
Vay và nợ	152.841.314.411	-	-	152.841.314.411
Phải trả người bán, phải trả khác	257.508.556.426	-	-	257.508.556.426
Chi phí phải trả	1.967.078.942	-	-	1.967.078.942
	<b>412.316.949.779</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>412.316.949.779</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Vay và nợ	110.953.002.391	-	-	110.953.002.391
Phải trả người bán, phải trả khác	103.079.063.613	-	-	103.079.063.613
Chi phí phải trả	1.334.353.242	-	-	1.334.353.242
	<b>215.366.419.246</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>215.366.419.246</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**Số 16 Thái Phiên, Phường Phước Ninh,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà NẵngBáo cáo tài chính  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015**32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Kinh doanh các sản phẩm về thép	Kinh doanh dịch vụ	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	824.723.896.249	330.000.000	-	825.053.896.249	825.053.896.249
Chi phí bộ phận trực tiếp	795.539.509.479	-	-	795.539.509.479	795.539.509.479
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>29.184.386.770</b>	<b>330.000.000</b>	<b>-</b>	<b>29.514.386.770</b>	<b>29.514.386.770</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	-	7.009.400.330	7.009.400.330
Tài sản không phân bổ	-	-	-	530.779.079.071	530.779.079.071
<b>Tổng tài sản</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>530.779.079.071</b>	<b>530.779.079.071</b>
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	415.072.480.388	415.072.480.388
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>415.072.480.388</b>	<b>415.072.480.388</b>

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**Số 16 Thái Phiên, Phường Phước Ninh,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các thông tin về giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	6 tháng	6 tháng
		<u>đầu năm 2015</u>	<u>đầu năm 2014</u>
		VND	VND
<b>Mua hàng</b>			
Tổng Công ty Thép Việt Nam	Công ty mẹ	-	266.775.748.162
Công ty Cổ phần Thép Việt Mỹ	Công ty liên kết	77.601.559.962	26.078.895.150
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức	Cùng Công ty mẹ	1.604.932.175	401.991.040
Công ty TNHH Thép Vinakyoei	Công ty liên kết của Công ty mẹ	10.433.868.742	25.106.868.589
Công ty CP Kim khí TP.HCM	Cùng Công ty mẹ	3.158.337.325	-
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	Cùng Công ty mẹ	313.361.533.314	-
<b>Cổ tức được chia</b>			
Công ty CP Kim khí TP HCM	Cùng Công ty mẹ	193.000.000	164.050.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng	6 tháng
	<u>đầu năm 2015</u>	<u>đầu năm 2014</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	597.215.885	600.796.790.

**34 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

1110  
CÔNG TY  
KIỂM TOÁN  
AASC  
KIỂM T  
M - T

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**Số 16 Thái Phiên, Phường Phước Ninh,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu kỳ này

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC		Chênh lệch
Mã số	Khoản mục	Mã số	Khoản mục	
<b>BẢNG CÁN ĐỐI KẾ TOÁN</b>				
121	Đầu tư ngắn hạn	2.323.676.045	121 Chứng khoán kinh doanh	2.323.676.045
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(509.476.045)	122 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh	(509.476.045)
135	Các khoản phải thu khác	1.729.345.303	136 Phải thu ngắn hạn khác	2.022.369.785
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	40.615.731	153 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	40.615.731
158	Tài sản ngắn hạn khác	293.024.482	155 Tài sản ngắn hạn khác	-
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.105.716.203	242 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.105.716.203
252	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	24.000.000.000	252 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	24.000.000.000
258	Đầu tư dài hạn khác	3.030.000.000	253 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	3.030.000.000
259	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(6.842.802.334)	254 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(6.842.802.334)
311	Vay và nợ ngắn hạn	110.953.002.391	320 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	110.953.002.391
312	Phải trả người bán	97.796.265.100	311 Phải trả người bán ngắn hạn	97.796.265.100
313	Người mua trả tiền trước	630.590.294	312 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	630.590.294
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	203.057.118	313 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	203.057.118
315	Phải trả người lao động	1.957.036.723	314 Phải trả người lao động	1.957.036.723
316	Chi phí phải trả	1.334.353.242	315 Chi phí phải trả ngắn hạn	1.334.353.242
319	Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.282.798.513	319 Phải trả ngắn hạn khác	5.282.798.513
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	438.269.106	322 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	438.269.106

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG**Số 16 Thái Phiên, Phường Phước Ninh,  
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu kỳ này

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC		Chênh lệch
Mã số	Khoản mục	Mã số	Khoản mục	
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	98.465.620.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	98.465.620.000
417	Quỹ đầu tư phát triển	412	2. Thặng dư vốn cổ phần	300.347.000
418	Quỹ dự phòng tài chính	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	13.863.385.286
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.491.018.689
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.142.225.211
		421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	-
		421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	2.142.225.211

**Bùi Minh Nam**  
Người lập**Trần Nguyễn Hoàng Nam Thành Tuấn**  
Kế toán trưởng**Nguyễn Anh Hoàng**  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 08 năm 2015

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 08 năm 2015

